|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**  Số: /TTr - BKHCN | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  *Hà Nội, ngày tháng năm 2025* |

Dự thảo

**TỜ TRÌNH**

**Về Dự thảo** **Nghị định thay thế** **Nghị định số 13/2019/NĐ-CP về doanh nghiệp khoa học và công nghệ**

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện nhiệm vụ được giao tại Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia (ban hành theo Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 09/01/2025, và được sửa đổi theo Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/04/2025 của Chính phủ), Bộ Khoa học và Công nghệ đã chủ trì xây dựng Nghị định thay thế Nghị định số 13/2019/NĐ-CP về doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

Để xây dựng Nghị định, Bộ Khoa học và Công nghệ đã tiến hành đánh giá tình hình thực hiện Nghị định số 13/2019/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn, xây dựng dự thảo Nghị định; lấy ý kiến các Bộ, Ngành, Cơ quan quản lý nhà nước và các đơn vị, doanh nghiệp có liên quan; đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Khoa học và Công nghệ để lấy ý kiến rộng rãi của các tổ chức, cá nhân.

Bộ Khoa học và Công nghệ báo cáo về việc xây dựng dự thảo Nghị định như sau:

# I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH

# 1. Về căn cứ pháp lý

Nhiệm vụ phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ (KH&CN) đã được khẳng định là một trong những nhiệm vụ trọng yếu trong chiến lược phát triển KH&CN của Đảng và Nhà nước. Thông qua việc phát triển hệ thống doanh nghiệp KH&CN sẽ giúp ứng dụng công nghệ, các kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ vào sản xuất kinh doanh, tạo ra các sản phẩm mới có giá trị cao, nâng cao năng lực sản xuất bằng việc làm chủ công nghệ. Chính vì vậy, trong những năm qua, để hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi về cơ sở pháp lý cho phát triển doanh nghiệp KH&CN, hệ thống quy định pháp luật tạo lập hành lang pháp lý cho việc phát triển loại hình doanh nghiệp KH&CN ngày càng hoàn thiện: Luật Khoa học và công nghệ 2013, Luật Đầu tư 2014, Luật Đầu tư 2020, Luật thuế xuất khẩu thuế nhập khẩu 2016, các Nghị định của Chính phủ (Nghị định 46/2014/NĐ-CP, Nghị định 32/2017/NĐ-CP, Nghị định 35/2017/NĐ-CP, Nghị định 13/2019/NĐ-CP, Nghị định 140/2016/NĐ-CP và Nghị định 10/2022/NĐ-CP,...) và các văn bản hướng dẫn chi tiết.

Ngày 10/10/2023, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 41-NQ/TW về xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ doanh nhân Việt Nam trong thời kỳ mới. Nghị quyết nhấn mạnh tầm quan trọng của việc xây dựng đội ngũ doanh nhân có năng lực và bản lĩnh để đáp ứng các yêu cầu phát triển đất nước trong bối cảnh kinh tế toàn cầu nhiều thách thức. Đặc biệt Nghị quyết khẳng định cần “Có chính sách tạo điều kiện cho doanh nghiệp nhỏ và vừa mở rộng quy mô, nâng cao sức cạnh tranh, năng lực sản xuất, phát triển mô hình kinh doanh dựa trên nền tảng đổi mới sáng tạo, ứng dụng khoa học công nghệ, kinh tế số, kinh tế chia sẻ, kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu.” Thực hiện Nghị quyết 41 của Bộ Chính trị, Chính phủ đã ban hành Chương trình hành động theo Nghị quyết 66/NQ-CP ngày 09/05/2024, Bộ Khoa học và Công nghệ đã ban hành Chương trình hành động theo Quyết định số 1439/QĐ-BKHCN ngày 27/6/2024, trong đó xác định các nhiệm vụ cụ thể để xây dựng đội ngũ doanh nhân KH&CN trong thời kỳ mới đủ sức dẫn dắt nền kinh tế đổi mới sáng tạo.

Ngày 22/12/2024, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Nghị quyết khẳng định phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia là yếu tố quyết định phát triển của các quốc gia, là điều kiện tiên quyết, thời cơ tốt nhất để nước ta phát triển giàu mạnh, hùng cường trong kỷ nguyên mới. Nghị quyết đề ra bảy nhóm nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm, trong đó nhấn mạnh việc “thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong doanh nghiệp”. Đặc biệt, có chính sách đủ mạnh khuyến khích tinh thần khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, cùng với chính sách hỗ trợ khởi nghiệp và thu hút các doanh nghiệp trong và ngoài nước khởi nghiệp tại Việt Nam; có cơ chế ưu đãi về đất đai, tín dụng, thuế trong nghiên cứu, thử nghiệm, ứng dụng, phát triển, sản xuất sản phẩm, dịch vụ công nghệ số; hình thành các quỹ đầu tư mạo hiểm cho khởi nghiệp sáng tạo, ươm tạo công nghệ và chuyển đổi số; có cơ chế cho phép và khuyến khích các tổ chức nghiên cứu, nhà khoa học thành lập và tham gia điều hành doanh nghiệp dựa trên kết quả nghiên cứu.

Những chủ trương này thể hiện sự nhất quán trong chính sách phát triển lực lượng doanh nghiệp công nghệ. Đây được coi là một giải pháp trọng yếu để tạo đột phá trong hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Đồng thời, đó cũng là định hướng quan trọng cho xây dựng thể chế, chính sách quốc gia, tạo tiền đề cho bứt phá của nền kinh tế, để Việt Nam có thể bắt kịp, tiến cùng và vượt lên trong tiến trình đổi mới sáng tạo của nhân loại.

Thể chế hóa quan điểm lãnh đạo của Đảng, Chính phủ đã giao nhiệm vụ cho Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì xây dựng dự án Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thay thế Luật Khoa học và công nghệ 2013. Cùng với đó, hệ thống các quy định về thuế đang được nghiên cứu sửa đổi trong dự án Luật sửa đổi Luật thuế thu nhập doanh nghiệp. Các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp về đất đai, đấu thầu cũng đang được sửa đổi theo các văn bản mới.

Do vậy, nhiều nội dung quy định tại Nghị định 13/2019/NĐ-CP đã không còn phù hợp, chưa thể chế kịp thời các quan điểm chỉ đạo mới của Đảng và Nhà nước và cần thay thế để phù hợp và thống nhất với hệ thống pháp luật.

# 2. Những tồn tại hạn chế trong việc thực hiện Nghị định 13/2019/NĐ-CP

2.1. Những hạn chế:

- Số lượng DNKHCN được cấp còn hạn chế so với tiềm năng, về cơ bản mới chỉ đáp ứng 30% mục tiêu đặt ra tại các chiến lược phát triển KH&CN; trong số đó số DNKHCN hình thành từ các viện, trường hoặc chuyển đổi từ các tổ chức KH&CN công lập rất hạn chế, chiếm tỷ lệ nhỏ trong số DNKHCN được cấp Giấy chứng nhận.

- Số lượng DNKHCN được thụ hưởng chính sách ưu đãi hạn chế.

- Cơ sở dữ liệu về DNKHCN không đầy đủ, thiếu thông tin, chưa được kiểm chứng. Mặc dù trách nhiệm báo cáo về kết quả hoạt động là một trong những nghĩa vụ được quy định của DNKHCN (chế tài của việc không thực hiện báo cáo trong 03 năm là thu hồi Giấy chứng nhận DNKHCN), tuy nhiên số lượng doanh nghiệp tuân thủ chế độ báo cáo chỉ chiếm 30%-40% tổng số doanh nghiệp.

- Hệ thống quản lý nhà nước đối với DNKHCN đã hình thành từ trung ương đến địa phương (cấp tỉnh). Tuy nhiên, ngoài một số thành phố lớn, nhìn chung yêu cầu đối với hệ thống quản lý ở các tỉnh vẫn chưa đáp ứng yêu cầu do thiếu sự quan tâm của lãnh đạo, thiếu cán bộ, năng lực thực hiện chính sách chưa đáp ứng. Đây là một trong những nguyên nhân chính khiến chính sách phát triển DNKHCN chưa đạt được kết quả tương xứng với tiềm năng.

2.2. Nguyên nhân của hạn chế:

- Chủ thuyết về mô hình DNKHCN chưa phù hợp: việc xác định DNKHCN được hình thành chủ yếu từ thương mại hoá kết quả KH&CN được tạo ra từ các viện, trường chưa phù hợp với thực tiễn Việt Nam, quy định pháp lý còn nhiều rào cản (đặc biệt là các quy định liên quan đến quản lý tài sản công và quy định về phòng chống tham nhũng) dẫn đến khó thực thi chính sách về DNKHCN. Mặc dù, trong thời gian qua, Bộ KH&CN đã nỗ lực đề xuất với các cơ quan liên quan những những vướng mắc chính sách này vẫn chưa được tháo gỡ.

- Hệ thống chính sách về DNKHCN (bao gồm các quy định về chứng nhận và các quy định về chính sách ưu đãi, hỗ trợ) còn chưa hoàn thiện, điều kiện, thủ tục phức tạp, nhiều cơ quan, đơn vị tham gia vào quá trình triển khai, dẫn đến việc triển khai gặp nhiều khó khăn, vướng mắc, hiệu quả chưa cao.

- Ràng buộc tỷ lệ doanh thu dẫn đến đa phần các DNKHCN được chứng nhận có quy mô vừa và nhỏ; khả năng huy động vốn và các nguồn lực để thương mại hoá kết quả KH&CN hạn chế nên tăng trưởng doanh thu, lợi nhuận kém, không đáp ứng điều kiện để thụ hưởng các chính sách ưu đãi, hỗ trợ.

- DNKHCN mặc dù được xác định là đối tượng thụ hưởng chính sách ưu đãi đầu tư, nhưng các chính sách hỗ trợ hiện nay chưa có điểm nổi bật, đặc thù so với các loại hình doanh nghiệp có ứng dụng công nghệ khác dẫn đến những doanh nghiệp đã hưởng theo các chính sách ưu đãi đầu tư khác rồi không có nhu cầu chứng nhận DNKHCN.

- Cơ chế bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ chưa kịp thời và hiệu quả, tình trạng tồn đơn kéo dài, các biện pháp xử lý vi phạm chưa đủ sức răn đe.

- Nguồn lực từ ngân sách triển khai để hỗ trợ DNKHCN chưa được tập trung. Trong cả giai đoạn 2007 - 2024, chỉ có 01 chương trình quốc gia hỗ trợ cho DNKHCN với nguồn lực hạn chế.

# II. QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO VÀ QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

# 1. Quan điểm chỉ đạo

1.1. Bảo đảm thể chế hóa đầy đủ các quan điểm chỉ đạo tại các Nghị quyết của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, về phát triển kinh tế tư nhân, phù hợp với tình hình phát triển kinh tế, xã hội, đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật, tránh mâu thuẫn, chồng chéo trong quản lý và thực thi các quy định về doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

1.2. Kế thừa những quy định của Nghị định số 13/2019/NĐ-CP về doanh nghiệp KH&CN mà việc thực hiện không có những vướng mắc, khó khăn cho doanh nghiệp và cơ quan quản lý nhà nước.

1.3. Sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế các điều khoản cụ thể để khắc phục các vướng mắc, khó khăn cho doanh nghiệp và cơ quan quản lý nhà nước.

1.4. Rà soát các nội dung quy định chi tiết tại các Nghị định của Chính phủ, Thông tư của các Bộ hướng dẫn để nghiên cứu, bổ sung vào trong dự thảo Nghị định cho thống nhất, đồng bộ.

1.5. Xây dựng các chính sách ưu đãi, hỗ trợ cho doanh nghiệp KH&CN có tính khả thi cao, không chồng chéo và có hiệu quả để hỗ trợ hình thành và phát triển hệ thống doanh nghiệp KH&CN.

1.6. Tăng cường trách nhiệm các cơ quan, tổ chức trong việc thực hiện các chính sách ưu đãi, hỗ trợ cho doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

1.7. Rà soát đối tượng, điều kiện được chứng nhận doanh nghiệp KH&CN để phù hợp với thực tiễn và tăng cường số lượng doanh nghiệp KH&CN.

1.8. Đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến việc chứng nhận doanh nghiệp KH&CN, đảm bảo thuận lợi cho việc triển khai cấp giấy chứng nhận trực tuyến.

# 2. Quá trình xây dựng

Thực hiện nhiệm vụ được giao tại Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, Bộ Khoa học và Công nghệ đã ban hành Quyết định số 776/QĐ-BKHCN ngày 05/5/2025 về việc thành lập Tổ Soạn thảo xây dựng Nghị định quy định về doanh nghiệp KH&CN. Tổ soạn thảo có sự tham gia của đại diện Văn phòng Chính phủ, đại diện Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Y tế, Bộ Nội vụ, Bộ Công thương, Bộ Nông nghiệp và Môi trường, một số cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ và đại diện Hiệp hội doanh nghiệp KH&CN và một số doanh nghiệp KH&CN. Sau khi được thành lập, Tổ soạn thảo đã tiến hành xây dựng dự thảo Nghị định thay thế Nghị định 13/2019/NĐ-CP, gửi Dự thảo Nghị định lấy ý kiến, tổ chức Hội thảo lấy ý kiến góp ý và nghiêm túc tổng hợp tiếp thu ý kiến theo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

# III. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

# 1. Bố cục

Dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 13/2019/NĐ-CP của Chính phủ về doanh nghiệp KH&CN gồm: 06 Chương, 32 Điều và 06 Phụ lụckèm theo.

1.1. Chương I: Quy định chung gồm 03 điều: quy định về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, giải thích từ ngữ, giấy chứng nhận doanh nghiệp KH&CN.

1.2. Chương II: Chứng nhận doanh nghiệp KH&CN gồm 7 điều: điều kiện công nhận doanh nghiệp KH&CN; thẩm quyền quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp KH&CN; hồ sơ và quy trình thẩm định; các trường hợp cấp thay đổi, cấp lại giấy chứng nhận; thu hồi, huỷ bỏ hiệu lực giấy chứng nhận; kinh phí thẩm định.

1.3. Chương III: Chính sách ưu đãi, hỗ trợ gồm 09 điều: quy định về ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp; ưu đãi thuế thu nhập cá nhân; miễn, giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước; miễn, giảm thuế nhập khẩu; ưu đãi đấu thầu; ưu đãi về tín dụng; và một số ưu đãi, hỗ trợ thương mại hóa kết quả KH&CN đối với doanh nghiệp KH&CN, vinh danh doanh nghiệp KH&CN.

1.4. Chương IV: Đánh giá kết quả không sử dụng ngân sách nhà nước để chứng nhận doanh nghiệp KH&CN gồm 04 điều: mục đích, nguyên tắc, nội dung đánh giá, cơ quan thực hiện đánh giá.

1.5. Chương V: Tổ chức thực hiện gồm 06 điều: quy định trách nhiệm của doanh nghiệp KH&CN và các Bộ, ngành, địa phương, các cơ quan liên quan.

1.6. Chương VI: Điều khoản thi hành gồm 03 điều: quy định điều khoản chuyển tiếp, hiệu lực thi hành, trách nhiệm thi hành.

1.7. Các Phụ lục:

Mẫu số 01: Đơn đề nghị chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

Mẫu số 02: Mẫu phương án sản xuất, kinh doanh.

Mẫu số 03: Phiếu đánh giá Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

Mẫu số 04: Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

Mẫu số 05: Đơn đề nghị cấp thay đổi nội dung, cấp lại Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

Mẫu số 06: Báo cáo tình hình hoạt động của doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

# 2. Những nội dung thay đổi cơ bản của Nghị định

Dự thảo Nghị định bao gồm những thay đổi cơ bản sau đây:

## 2.1. Về căn cứ ban hành Nghị định:

Thay thế những căn cứ đã hết hiệu lực theo các văn bản mới như: Luật tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15, Luật doanh nghiệp số 76/2025/QH15, Luật đầu tư số 61/2020/QH14 (sửa đổi, bổ sung theo Luật số 90/2025/QH15), Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15, Luật khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15.

**2.2. Về khái niệm doanh nghiệp KH&CN:**

***a. Khái niệm theo quy định hiện hành:***

“1. Doanh nghiệp khoa học và công nghệ là doanh nghiệp thực hiện sản xuất, kinh doanh, dịch vụ khoa học và công nghệ để tạo ra sản phẩm, hàng hoá từ kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.” (Khoản 1 Điều 58 Luật Khoa học và công nghệ 2013).

***b. Khái niệm mới:***

*“1. Doanh nghiệp khoa học và công nghệ là doanh nghiệp thực hiện hoạt động nghiên cứu, phát triển, chuyển giao, đổi mới công nghệ, có năng lực hấp thụ, làm chủ công nghệ và mang lại hiệu quả về kinh tế, xã hội, môi trường.”* (Khoản 1 Điều 39 Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo)

***Lý do và mục tiêu đề xuất:***

- Nghị quyết 57-NQ/TW của Bộ Chính trị xác định: có các chính sách ưu đãi, khuyến khích doanh nghiệp đầu tư cho chuyển đổi số, nghiên cứu, ứng dụng khoa học, đổi mới công nghệ để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, quản trị doanh nghiệp.

- Nghị quyết 193/2025/QH15 quy định thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, trong đó có các chính sách về thúc đẩy thành lập doanh nghiệp từ kết quả nghiên cứu của các viện, trường; thúc đẩy việc giao quyền kết quả nhiệm vụ sử dụng ngân sách nhà nước; thúc đẩy thương mại hóa kết quả nghiên cứu.

Đề xuất mở rộng khái niệm doanh nghiệp KH&CN trong dự thảo Luật KH,CN&ĐMST nhằm thể chế hóa chủ trương, chính sách trong bối cảnh mới. Khái niệm doanh nghiệp KH&CN tại Điều 58 Luật KH&CN 2013 chủ yếu hướng tới đối tượng doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh dựa trên kết quả nghiên cứu. Khái niệm doanh nghiệp KH&CN mới chủ yếu tập trung vào đối tượng doanh nghiệp có năng lực hấp thụ, làm chủ công nghệ (có thể là doanh nghiệp tiếp nhận công nghệ hoặc doanh nghiệp nghiên cứu, tạo ra công nghệ mới), từ đó phân biệt rõ doanh nghiệp KH&CN với các doanh nghiệp sản xuất thông thường.

**2.3. Về điều kiện chứng nhận doanh nghiệp KH&CN:**

***a. Điều kiện chứng nhận doanh nghiệp KH&CN theo quy định hiện hành:***

Điều 6 Nghị định 13/2019/NĐ-CP quy định về điều kiện chứng nhận doanh nghiệp KH&CN:

- Được thành lập và hoạt động theo Luật doanh nghiệp;

- Có khả năng tạo ra hoặc ứng dụng kết quả khoa học và công nghệ được cơ quan có thẩm quyền đánh giá, thẩm định, công nhận theo quy định;

- Có doanh thu từ việc sản xuất, kinh doanh sản phẩm hình thành từ kết quả khoa học và công nghệ đạt tỷ lệ tối thiểu 30% trên tổng doanh thu (không áp dụng đối với doanh nghiệp thành lập dưới 5 năm).

***b. Điều kiện chứng nhận doanh nghiệp KH&CN đề xuất đưa vào dự thảo Nghị định:***

*“ Doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:*

*1. Điều kiện chung:*

*a) Được thành lập và đang hoạt động theo Luật doanh nghiệp.*

*b) Tạo ra sản phẩm khoa học và công nghệ quy định tại Khoản 5 Điều 2 Nghị định này từ một trong các kết quả khoa học và công nghệ được sở hữu hoặc sử dụng hợp pháp, bao gồm:*

*- Sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn được cấp văn bằng bảo hộ tại Việt Nam;*

*- Chương trình máy tính đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả;*

*- Giống vật nuôi mới, giống cây trồng mới, giống thủy sản mới, giống cây lâm nghiệp mới, tiến bộ kỹ thuật đã được công nhận;*

*- Kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo đã được công nhận, nghiệm thu cấp Nhà nước, cấp Bộ hoặc cấp tỉnh;*

*- Hợp đồng chuyển giao công nghệ đã được đăng ký theo quy định pháp luật về chuyển giao công nghệ.*

*2. Điều kiện theo quy mô doanh nghiệp:*

*a) Đối với doanh nghiệp lớn:*

*a1) Tổng chi cho hoạt động khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo trên tổng doanh thu trung bình 3 năm gần nhất đạt tối thiểu 1%;*

*a2) Có bộ phận nghiên cứu và phát triển với tối thiểu 10 nhân lực có trình độ từ đại học trở lên, trong đó có ít nhất 5 nhân lực là người Việt Nam;*

*a3) Sản phẩm khoa học và công nghệ chiếm tối thiểu 20% tổng doanh thu trung bình 3 năm gần nhất;*

*a4) Sản phẩm khoa học và công nghệ mang lại một trong các hiệu quả:*

*- Được xuất khẩu ra thị trường nước ngoài;*

*- Được tạo ra từ công nghệ thuộc Danh mục công nghệ khuyến khích chuyển giao theo quy định pháp luật;*

*- Chất lượng tương đương hàng nhập khẩu từ các thị trường tiên tiến: châu Âu, Hoa Kỳ hoặc Nhật Bản;*

*- Đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế về chất lượng hoặc môi trường;*

*- Tăng trưởng doanh thu từ sản phẩm khoa học và công nghệ đạt bình quân tối thiểu 10%/năm trong 3 năm gần nhất.*

*b) Đối với doanh nghiệp vừa:*

*b1) Tổng chi cho hoạt động khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo trên tổng doanh thu trung bình 3 năm gần nhất đạt tối thiểu 0,5%;*

*b2) Có bộ phận nghiên cứu phát triển với tối thiểu 5 nhân lực có trình độ từ đại học trở lên;*

*b3) Sản phẩm khoa học và công nghệ chiếm tối thiểu 15% tổng doanh thu trung bình 3 năm gần nhất;*

*c) Đối với doanh nghiệp nhỏ:*

*c1) Tổng chi cho hoạt động khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo trên tổng doanh thu trung bình 3 năm gần nhất đạt tối thiểu 0,3%;*

*c2) Có tối thiểu 2 nhân lực nghiên cứu và phát triển, hoặc thuê từ 2 chuyên gia trở lên từ cơ sở nghiên cứu, cơ sở đào tạo, tổ chức KH&CN;*

*c3) Có ít nhất 01 sản phẩm khoa học và công nghệ đang được thương mại hóa.”*

***Lý do và mục tiêu đề xuất:***

\* Về điều kiện chung:

- Bổ sung đối tượng doanh nghiệp nhận chuyển giao công nghệ nhằm khuyến khích, thúc đẩy doanh nghiệp tiếp nhận, chuyển giao công nghệ, ứng dụng công nghệ tiến tới làm chủ công nghệ, từ đó nâng cao năng lực cạnh tranh.

- Kế thừa các quy định của Nghị định số 13/2019/NĐ-CP về sản xuất, kinh doanh dựa trên kết quả KH&CN.

- Căn cứ pháp lý để xác định các hoạt động này tương đối đầy đủ trong hệ thống pháp luật hiện hành, đủ cơ sở để thực hiện trên thực tiễn.

\* Về điều kiện theo quy mô doanh nghiệp: Các tiêu chí sẽ chia theo quy mô doanh nghiệp nhằm đảm bảo đánh giá được đóng góp của DNKHCN vào phát triển kinh tế, xã hội:

- Các tiêu chí về chi cho KH&CN, bộ phận nghiên cứu và phát triển được thiết kế thành các tiêu chí định lượng cụ thể nhằm đo lường năng lực nghiên cứu và phát triển của doanh nghiệp, đảm bảo doanh nghiệp KH&CN là lực lượng doanh nghiệp có khả năng hấp thụ, làm chủ công nghệ, từ đó tiến tới nâng cao năng lực sản xuất của doanh nghiệp.

- Hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường:

Sản phẩm được tạo ra từ kết quả khoa học và công nghệ đáp ứng một trong các tiêu chí sau:

i) Doanh thu từ sản phẩm chiếm tối thiểu 20% tổng doanh thu đối với doanh nghiệp lớn (15% với doanh nghiệp vừa, 01 sản phẩm khoa học và công nghệ đối với doanh nghiệp nhỏ) trong 3 năm gần nhất.

Tiêu chí này được kế thừa từ quy định của Nghị định 13/2019/NĐ-CP và có điều chỉnh giảm tỷ lệ doanh thu theo đề xuất của các Sở Khoa học và Công nghệ, các doanh nghiệp KH&CN. Mức 20% phản ánh sản phẩm KH&CN có đóng góp trong hoạt động của doanh nghiệp, nhưng không đặt tiêu chí quá cao gây rào cản với doanh nghiệp khởi nghiệp hoặc doanh nghiệp mới thương mại hóa công nghệ.

ii) Tăng trưởng doanh thu trung bình của doanh nghiệp đạt tối thiểu 10%/năm trong 3 năm gần nhất .

Tiêu chí này được thiết kế dựa trên tham khảo khái niệm về tăng trưởng nhanh của OECD (2018), Oslo Manual – Measuring Innovation, xác định các doanh nghiệp đổi mới sáng tạo (Innovative Enterprises) thường có tốc độ tăng trưởng trung bình từ 10–20%/năm trong giai đoạn đổi mới.

iii) Được xuất khẩu ra thị trường nước ngoài.

Xuất khẩu là minh chứng thực tế cho năng lực cạnh tranh, khả năng làm chủ công nghệ và đạt tiêu chuẩn kỹ thuật quốc tế.

iv) Chất lượng tương đương hàng nhập khẩu từ các thị trường tiên tiến: châu Âu, Hoa Kỳ hoặc Nhật Bản.

Luật Chuyển giao công nghệ có quy định việc đánh giá, thẩm định sản phẩm mới được tạo ra từ kết quả KH&CN có chất lượng tương đương với sản phẩm nhập khẩu để khuyến khích sử dụng trong dự án đầu tư có sử dụng ngân sách nhà nước, ưu tiên trong đấu thầu mua sắm, cung cấp sản phẩm, dịch vụ công” (Khoản 4 Điều 42). Chứng nhận đạt chuẩn như CE (châu Âu), FDA (Hoa Kỳ), JIS (Nhật Bản)…

v) Được tạo ra từ công nghệ thuộc Danh mục công nghệ khuyến khích chuyển giao theo quy định pháp luật.

Danh mục công nghệ khuyến khích chuyển giao được quy định tại Luật Chuyển giao công nghệ và Nghị định 76/2018/NĐ-CP, có tác động tích cực đến kinh tế - xã hội - môi trường.

vi) Đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế về chất lượng hoặc môi trường.

Các giải thưởng như Giải thưởng Chất lượng Quốc gia, Giải thưởng sáng tạo KH&CN Việt Nam (VIFOTEC),… đều được Nhà nước công nhận. Việc đạt giải thưởng khẳng định sản phẩm được hội đồng chuyên môn độc lập đánh giá về chất lượng, hiệu quả, tác động tích cực của công nghệ, sản phẩm.

Mục đích của các tiêu chí: đo lường hiệu quả về kinh tế, xã hội, môi trường của việc ứng dụng công nghệ/kết quả nghiên cứu.

**2.4. Về các chính sách ưu đãi, hỗ trợ:**

***a) Thuế thu nhập doanh nghiệp:***

Hiện tại doanh nghiệp KH&CN được miễn thuế tối đa không quá 04 năm và giảm 50% số thuế phải nộp tối đa không quá 09 năm tiếp theo.

Dự thảo Nghị định đã bổ sung ưu đãi về thuế suất 10% căn cứ theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp 2025; đề xuất mức 200% chi phí được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp theo Nghị quyết 68 của Bộ Chính trị.

Ngoài ra, dự thảo Nghị định cũng đề xuất bổ sung quy định về ưu đãi đối với sản phẩm, dịch vụ mới của doanh nghiệp được hưởng trọn vẹn thời gian ưu đãi khi được bổ sung vào Giấy chứng nhận nhằm khuyến khích các doanh nghiệp không ngừng nghiên cứu KH&CN, tạo ra công nghệ mới, sản phẩm mới.

***b) Thuế thu nhập cá nhân:***

Dự thảo Nghị định đề xuất bổ sung chính sách miễn thuế thu nhập cá nhân cho các chuyên gia, nhà khoa học, nhân lực tham gia nhiệm vụ nghiên cứu và phát triển của doanh nghiệp KH&CN theo quy định của Nghị quyết 193/2025/QH15 và Điều 71 Luật KH,CN&ĐMST**.**

***c) Miễn, giảm tiền thuê đất:***

Dự thảo Nghị định bổ sung quy định đất sử dụng cho mục đích nghiên cứu khoa học được miễn tiền thuê đất cho cả thời hạn thuê căn cứ quy định tại Điều 71 Luật KH,CN&ĐMST.

Đối với đất sản xuất, kinh doanh sản phẩm KH&CN: theo quy định của Luật đầu tư và Nghị định số 103/2024/NĐ-CP.

***d) Ưu đãi đấu thầu:***

Doanh nghiệp KH&CN là nhà thầu được hưởng các ưu đãi trong lựa chọn nhà thầu theo quy định tại Điều 10 của Luật đấu thầu.

Căn cứ đề xuất: Đây là chính sách mới được bổ sung theo Luật đấu thầu và Nghị định 24/2024/NĐ-CP và Dự thảo Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

**2.5. Bổ sung quy định về thủ tục đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước (chương IV)**

Trước đây, thủ tục đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN không sử dụng ngân sách nhà nước được quy định tại Thông tư số 02/2015/TT-BKHCN hướng dẫn quy định tại Khoản 2 Điều 37 Luật Khoa học và công nghệ 2013. Giấy xác nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN không sử dụng ngân sách nhà nước là một trong những văn bản công nhận kết quả KH&CN, được sử dụng để chứng nhận doanh nghiệp KH&CN.

Tuy nhiên, Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 2025 không có quy định về việc hỗ trợ tổ chức, cá nhân đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN không sử dụng ngân sách nhà nước. Vì vậy, để đảm bảo hiệu lực của thủ tục, tiếp tục phục vụ nhu cầu của tổ chức, cá nhân, dự thảo Nghị định đã bổ sung Chương IV về đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN không sử dụng ngân sách nhà nước.

Việc đưa nội dung này vào Nghị định sẽ nâng tầm hiệu lực pháp lý, bảo đảm sự nhất quán và thống nhất trong hệ thống pháp luật, phù hợp với yêu cầu của Luật Ban hành VBQPPL. Trong bối cảnh đổi mới mô hình tăng trưởng, việc tăng chi tiêu R&D từ khu vực tư nhân là mục tiêu trung tâm. Việc quy định cơ chế công nhận kết quả KH&CN không dùng ngân sách nhà nước sẽ tạo động lực cho doanh nghiệp đầu tư nghiên cứu, phát triển sản phẩm mới. Đồng thời, đây cũng là chính sách thúc đẩy thương mại hóa công nghệ, tăng tỷ trọng sản phẩm KH&CN trong doanh thu doanh nghiệp.

**IV. NHỮNG NỘI DUNG BỔ SUNG MỚI SO VỚI DỰ THẢO VĂN BẢN GỬI THẨM ĐỊNH (NẾU CÓ)**

**V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN VÀ THỜI GIAN TRÌNH THÔNG QUA/BAN HÀNH**

**1. Nguồn lực tổ chức thi hành**

\*Nguồn nhân lực:

Cơ quan chủ trì (Bộ Khoa học và Công nghệ, Cục Khởi nghiệp và Doanh nghiệp công nghệ) duy trì đội ngũ cán bộ chuyên trách đủ năng lực chuyên môn về đánh giá, công nhận doanh nghiệp KH&CN, hỗ trợ hoạt động đổi mới sáng tạo.

Các Sở Khoa học và Công nghệ địa phương kiện toàn bộ phận tiếp nhận và xử lý hồ sơ đăng ký DNKHCN, phối hợp với các Sở ngành liên quan (Tài chính, Nông nghiệp & Môi trường, cơ quan Thuế…) để triển khai chính sách ưu đãi.

\*Nguồn tài chính:

- Ngân sách nhà nước cấp thông qua kế hoạch sự nghiệp KH&CN hàng năm (Trung ương và địa phương) để: Triển khai công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách; Tổ chức đánh giá kết quả KH&CN không sử dụng ngân sách; Thực hiện hoạt động tư vấn, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát thực hiện Nghị định.

- Khuyến khích lồng ghép với các chương trình, đề án quốc gia về khởi nghiệp sáng tạo, chuyển đổi số, tăng trưởng xanh và phát triển doanh nghiệp KH&CN.

\*Hạ tầng và công cụ triển khai:

- Cập nhật, nâng cấp Cổng dịch vụ công trực tuyến và hệ thống thông tin quốc gia về DNKH&CN để tiếp nhận, xử lý hồ sơ điện tử, quản lý dữ liệu minh bạch.

- Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về kết quả KH&CN không sử dụng NSNN để phục vụ tra cứu, xác nhận.

**2. Điều kiện bảo đảm tổ chức thực hiện**

- Phối hợp liên ngành chặt chẽ giữa KH&CN – Tài chính – Tài nguyên & Môi trường; Thuế để triển khai chính sách ưu đãi về đất đai, thuế, tín dụng…

- Tăng cường kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện, đánh giá định kỳ kết quả, kịp thời sửa đổi các nội dung chưa phù hợp.

**3. Thời gian trình thông qua và ban hành văn bản**

Trình Chính phủ trong tháng 08/2025, sau khi xin ý kiến các bộ, ngành và hoàn tất thẩm định của Bộ Tư pháp.

Dự kiến ban hành Nghị định trong tháng 08/2025, có hiệu lực kể từ tháng 09/2025.

**VI. NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN XIN Ý KIẾN CHÍNH PHỦ**

Sau khi tổng hợp ý kiến từ các Bộ, ngành, địa phương, hiệp hội doanh nghiệp, còn những vấn đề có các ý kiến khác nhau, Bộ Khoa học và Công nghệ kính báo cáo Chính phủ xem xét, chỉ đạo.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên;  - Thủ tướng Chính phủ;  - Các Phó Thủ tướng Chính phủ;  - Văn phòng Chính phủ;  - Lưu: VT, PC, CKN. | **BỘ TRƯỞNG** |